

Bản án số: 22/2020/DS-ST  
ngày 23 tháng 9 năm 2020  
“*V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M'ĐRẮK, TỈNH ĐẮK LẮK**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán chủ tọa phiên tòa:* ông Nguyễn Thế Dương;

*Các Hội thẩm nhân dân:* ông Ngô Trọng Búp; ông Y Đo Niê.

**- Thư ký phiên tòa:** ông Vũ Văn Hoàng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện M'Đrắk, tỉnh Đắk Lắk.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M'Đrắk, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa:** ông Y Gon Niê – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2020, tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện M'Đrắk xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 57/2020/TLST-DS ngày 18 tháng 6 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24a/2020/QĐXXST-DS ngày 31 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam (sau đây gọi là Ngân hàng). Trụ sở: số 02, L, phường C, quận B, thành phố H.

*Người đại diện theo ủy quyền:* ông Nguyễn Văn T, chức vụ Trưởng phòng Kế hoạch - Kinh doanh, Chi nhánh huyện M, tỉnh Đ. Địa chỉ: số 55, đường Nguyễn Tất Thành, thị trấn M, huyện M, tỉnh Đ. Ông T có mặt tại phiên tòa.

- *Bị đơn:* vợ chồng ông Lê Đình T sinh năm 1968, bà Lê Thị H sinh năm 1970. Địa chỉ: thôn 11, xã E, huyện M, tỉnh Đ. Vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* anh Lê Đình A sinh năm 1992, anh Lê Đình S sinh năm 1995, anh Lê Đình S1 sinh năm 1997, chị Lê Thị H1 sinh năm 1999. Địa chỉ: thôn 11, xã E, huyện M, tỉnh Đ. Vắng mặt, anh Ánh có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*

Ngày 24/4/2017, Ngân hàng cho ông Lê Đình T (bà H ủy quyền cho ông T) vay 110.000.000đồng, để nâng cấp nhà và mua sắm tài sản, theo hợp đồng tín dụng số 5210LAV201700805 ngày 21/4/2017. Thời hạn vay 12 tháng (ngày trả nợ 23/4/2018). Lãi suất trong hạn 11 %/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% mức lãi suất trong hạn. Để bảo đảm cho khoản vay, vợ chồng ông T bà H ký kết hợp đồng thế chấp số 108/2014/HĐTC ngày 10/3/2014, thế chấp cho Ngân hàng quyền sử dụng đất tại thửa đất số 32, tờ bản đồ 35, diện tích 9520m<sup>2</sup> tại thôn 11, xã Ea Pil, huyện M'Đrăk, tỉnh Đắk Lắk được Ủy ban nhân dân huyện M'Đrăk cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U007089 ngày 14/05/2002 cho hộ bà Vũ Thị H2 (ngày 04/6/2012 hộ bà H2 đã chuyển nhượng cho hộ Lê Đình T).

Ngày 10/5/2018, Ngân hàng cho bà Lê Thị H vay 30.000.000đồng bằng biện pháp tín chấp, theo Hợp đồng tín dụng số 5210LAV201801137 để vợ chồng ông T bà H chăm sóc mía. Thời hạn vay 12 tháng, lãi suất trong hạn 10,5%/năm; Lãi suất quá hạn bằng 150% mức lãi suất trong hạn.

Quá trình thực hiện hợp đồng: ngày 13 tháng 6 và ngày 07 tháng 8 năm 2018 vợ chồng ông T bà H đã trả cho Ngân hàng 15.595.556đồng tiền lãi, ngày 12/02/2020 vợ chồng ông T bà H trả cho Ngân hàng 12.000.000đồng tiền gốc, của Hợp đồng tín dụng số 5210LAV201700805; Ngày 22 tháng 8 và ngày 28 tháng 12 năm 2018 ông T bà H trả cho Ngân hàng 2.002.192đồng tiền lãi của Hợp đồng tín dụng số 5210LAV201801137.

Do vợ chồng ông T bà H vi phạm nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng yêu cầu vợ chồng ông T bà H phải trả cho Ngân hàng số nợ tạm tính đến ngày xét xử 23/9/2020 là 175.653.494đồng, bao gồm: 98.000.000đồng nợ gốc, 40.020.138đồng nợ lãi theo hợp đồng tín dụng số 5210LAV201700805 và 30.000.000 đồng nợ gốc, 7.633.356 đồng nợ lãi theo hợp đồng tín dụng số 5210LAV201801137.

Từ ngày 24/9/2020 đến khi trả xong nợ, Ngân hàng yêu cầu ông T bà H tiếp tục chịu lãi phát sinh trên nợ gốc theo hợp đồng tín dụng.

Nếu vợ chồng ông T bà H không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ, ngay sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật; Nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý bất kỳ tài sản nào thuộc quyền sở hữu, sử dụng của vợ chồng ông T bà H để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

*\* Đối với bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bị đơn vợ chồng ông T bà H và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lê Đình

A, anh Lê Đình S, anh Lê Đình S1 và chị Lê Thị H1 (con của ông T bà H). Tòa án đã tiến hành xác minh và tổng đạt các văn bản tố tụng cho anh Lê Đình A. Anh A cam kết giao các văn bản của Tòa án cho họ, nhưng không ai đến Tòa án để làm việc theo yêu cầu của Tòa án.

\* Ý kiến của Kiểm sát viên:

- Về tố tụng:

Thẩm phán xác định đúng quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết vụ án; xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự; việc thu thập chứng cứ, trình tự giải quyết vụ án theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS).

Trong quá trình thụ lý, giải quyết, xét xử vụ án thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng các quy định của BLTTDS.

Việc chấp hành pháp luật của các đương sự: nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật tố tụng; Bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không đến Tòa án để giải quyết vụ án.

- Về nội dung: Qua các tài liệu, chứng cứ thu thập trong hồ sơ vụ án, nhận thấy yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ. Đề nghị HĐXX: buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn 175.653.494đồng, bao gồm 128.000.000đồng nợ gốc và 47.653.494đồng tiền lãi, theo Hợp đồng tín dụng số 5210LAV201700805 ngày 21/4/2017 và Hợp đồng tín dụng số 5210LAV201801137 ngày 10/5/2018.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về tố tụng: Quan hệ pháp luật cần giải quyết là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, bị đơn đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn 11, xã E, huyện M, tỉnh Đ. Nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện M’Đrăk, tỉnh Đắk Lắk theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 BLDS.

Nguyên đơn ủy quyền cho người đại diện tham gia phiên tòa, căn cứ Điều 85 BLTTDS chấp nhận việc ủy quyền của nguyên đơn. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án xác minh tại chính quyền địa phương, nhưng bị đơn vợ chồng ông T bà H và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Lê Đình S, anh Lê Đình S1 và chị Lê Thị H1 (con của ông T bà H) đều vắng mặt tại nơi cư trú, hiện nay không rõ địa chỉ, thuộc trường hợp cố tình dấu địa chỉ. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Lê Đình A (con của ông T bà H), nhưng bị đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không làm việc theo thông báo của

Tòa án. Tại phiên tòa lần thứ hai bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt tại phiên tòa (trừ anh Lê Đình A có đơn đề nghị xét xử vắng mặt). Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 BLTTDS, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

**[2] Về nội dung:**

Ngày 24/4/2017 bị đơn vay của nguyên đơn 110.000.000đồng, thời hạn vay là 01 năm, lãi suất 11%/năm, theo Hợp đồng tín dụng số 5210LAV201700805 ngày 21/4/2017. Để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng tín dụng số 5210LAV201700805 ngày 21/4/2017, bị đơn đã thế chấp quyền sử dụng đất tại thửa đất số 32, tờ bản đồ 35, diện tích 9520 m<sup>2</sup> tại xã Ea Pil, huyện M'Đrăk, tỉnh Đắk Lắk được Ủy ban nhân dân huyện M'Đrăk cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U007089 ngày 14/05/2002 cho hộ bà Vũ Thị H2 (ngày 04/6/2012 hộ bà H2 đã chuyển nhượng cho hộ Lê Đình T), theo hợp đồng thế chấp số 108/2014/HĐTC ngày 10/3/2014. Đây là hợp đồng tín dụng có bảo đảm.

Hợp đồng tín dụng số 5210LAV201801137 ngày 10/5/2018, bị đơn vay của nguyên đơn 30.000.000đồng thời hạn vay 01 năm lãi suất 10,5%/năm. Đây là hợp đồng tín dụng, không có tài sản để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ.

Hợp đồng giao kết giữa các bên phù hợp với quy định của pháp luật. Nội dung hợp đồng ghi nhận khi đến kỳ hạn trả nợ, nếu bên vay không trả nợ đúng hạn gốc và lãi thì toàn bộ số dư nợ của hợp đồng tín dụng chuyển sang nợ quá hạn và bên vay phải chịu lãi suất quá hạn. Đã quá thời hạn trả nợ nhưng bên vay không thực hiện đúng nội dung cam kết, vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng tín dụng. Yêu cầu khởi kiện và tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp là có cơ sở chấp nhận. Căn cứ Điều 93 Bộ luật tố tụng dân sự để buộc bị đơn phải thực hiện nghĩa vụ hợp đồng đối với nguyên đơn.

[2.1] Đối với Hợp đồng số 5210LAV201700805 ngày 13 tháng 6 và ngày 07 tháng 8 năm 2018 vợ chồng ông T bà H đã trả cho Ngân hàng 15.595.556đồng tiền lãi, ngày 12 tháng 02 năm 2020 vợ chồng ông T bà H đã trả cho Ngân hàng 12.000.000đồng tiền gốc. Tính đến ngày xét xử sơ thẩm 23/9/2020 vợ chồng ông T bà H còn nợ Ngân hàng 98.000.000 đồng nợ gốc, 40.020.138 đồng nợ lãi.

[2.2] Đối với Hợp đồng số 5210LAV201801137: ngày 22 tháng 8 và ngày 28 tháng 12 năm 2018 ông T bà H trả cho Ngân hàng 2.002.192đồng tiền lãi. Tính đến ngày xét xử sơ thẩm 23/9/2020 vợ chồng ông T bà H còn nợ Ngân hàng 30.000.000 đồng nợ gốc, 7.633.356 đồng nợ lãi.

Do vậy, cần buộc vợ chồng ông T bà H phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền nợ đến ngày xét xử là 175.653.494đồng, bao gồm 128.000.000 đồng nợ gốc, 47.653.494 đồng tiền lãi.

Kể từ ngày 24/9/2020 đến khi trả xong nợ, vợ chồng ông T bà H còn phải tiếp tục chịu tiền lãi đối với Ngân hàng về số nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng. Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Ngân hàng có trách nhiệm trả lại các giấy tờ thế chấp cho vợ chồng ông T bà H sau khi vợ chồng ông T bà H thực hiện nghĩa vụ trả nợ xong cho Ngân hàng theo Hợp đồng tín dụng số 5210LAV201700805 ngày 21/4/2017. Trong trường hợp vợ chồng ông T bà H không thực hiện hoặc thực hiện nghĩa vụ trả nợ không đầy đủ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự xử lý tài sản thế chấp theo để thu hồi nợ.

[3] Về án phí: yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên, bị đơn vợ chồng ông T bà H phải chịu 8.783.000 đồng tiền án phí Dân sự sơ thẩm tương ứng với số tiền phải trả cho nguyên đơn 175.653.494 đồng x 5%.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 85, Điều 93, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 137; Điều 138, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, tuyên xử:

#### **1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:**

Buộc vợ chồng ông Lê Đình T bà Lê Thị H phải trả cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam số nợ tính đến ngày 23/9/2020 là 175.653.494 đồng (*Một trăm bảy mươi lăm ngàn sáu trăm năm mươi ba ngàn bốn trăm chín mươi tư đồng*), bao gồm: theo Hợp đồng tín dụng số 5210LAV201700805 ngày 21/4/2017, vợ chồng ông T bà H phải trả cho Ngân hàng 98.000.000 đồng nợ gốc và 40.020.138 đồng nợ lãi; theo Hợp đồng tín dụng số 5210LAV201801137 ngày 10/5/2018 vợ chồng ông T bà H phải trả cho Ngân hàng 30.000.000 đồng nợ gốc và 7.633.356 đồng nợ lãi.

Kể từ ngày 24/9/2020 đến khi trả xong nợ, vợ chồng ông T bà H còn phải tiếp tục chịu tiền lãi đối với Ngân hàng về số nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng. Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Ngân hàng có trách nhiệm trả lại các giấy tờ thế chấp cho vợ chồng ông T bà H sau khi vợ chồng ông T bà H thực hiện nghĩa vụ trả nợ xong cho Ngân hàng

theo Hợp đồng tín dụng số 5210LAV201700805 ngày 21/4/2017. Trong trường hợp vợ chồng ông T bà H không thực hiện hoặc thực hiện nghĩa vụ trả nợ không đầy đủ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp số 108/2014/HĐTC ngày 10/3/2014 đối với quyền sử dụng đất tại thửa đất số 32, tờ bản đồ 35, diện tích 9520 m<sup>2</sup> tại xã Ea Pil, huyện M'Đrăk, tỉnh Đắk Lắk được Ủy ban nhân dân huyện M'Đrăk cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U007089 ngày 14/05/2002 cho hộ bà Vũ Thị H2 (ngày 04/6/2012 hộ bà H2 đã chuyển nhượng cho hộ Lê Đình T).

## **2. Về án phí:**

- Vợ chồng ông Lê Đình T bà Lê Thị H phải chịu 8.783.000 đồng (*Tám triệu bảy trăm tám mươi ba ngàn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Trả lại cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam, Chi nhánh huyện M'Đrăk, tỉnh Đắk Lắk 3.291.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2019/0003493 ngày 18/6/2020 tại Chi cục thi hành án Dân sự huyện M'Đrăk.

## **3. Thông báo quyền kháng cáo:**

Đương sự có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án Dân sự sơ thẩm trong hạn luật định là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án Dân sự sơ thẩm trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

*Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**(Đã ký)**

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện M'Đrăk;
- Chi cục T.H.A dân sự huyện M'Đrăk;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**Nguyễn Thế Dương**